

Bản án số: **477/2024/DS-PT**

Ngày: 27-8-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Nguyễn Ngọc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm
2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024
của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 519/2024/QĐ-PT ngày
02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn S, sinh năm 1973 - Chủ hộ kinh doanh cửa
hàng H1 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên hệ: Số A, đường T, Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh
Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Thị P, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số A, đường N, Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Chị Phan Thị Ngọc B,
sinh năm 1984 (có mặt); Địa chỉ: Khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng
Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/8/2024).

2.2. Phan Thị Ngọc B, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:** Giữa anh Nguyễn Văn S với bà Nguyễn Thị P mua bán xi măng rất nhiều lần, đến ngày 24/10/2022 chốt sổ công nợ thì bà P còn thiếu nợ anh S với số tiền là 323.900.000 đồng. Anh S đã yêu cầu bà P và chị Phan Thị Ngọc B thanh toán số tiền nợ rất nhiều lần, nhưng bà P và chị B hứa rất nhiều lần mà cũng không thanh toán số tiền nợ. Sau đó, bà P và chị B trả được cho anh S được số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 303.900.000 đồng anh S yêu cầu bà P và chị B phải trả và yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ từ ngày 25/10/2022 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S yêu cầu bà P và chị B phải liên đới trả số tiền mua xi măng còn thiếu gốc là 303.900.000 đồng, anh S xin rút yêu cầu về tiền lãi. Ngoài ra, anh không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả tiền nêu trên.

- **Bị đơn là chị Phan Thị Ngọc B trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn S về quá trình mua bán. Bà Nguyễn Thị P và chị B có mua xi măng của anh S và còn thiếu anh S số tiền gốc là 323.900.000 đồng, không tính lãi. Tuy nhiên, chị B đã trả cho anh S số tiền 20.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền gốc 303.900.000 đồng. Do làm ăn bị thất bại nhiều lần, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đến nay vẫn chưa trả số tiền nêu trên cho anh Nguyễn Văn S. Việc mua xi măng này là của cá nhân bà P và chị B, không liên quan cá nhân nào khác. Bà P và chị B chỉ còn thiếu anh S số tiền 303.900.000 đồng, ngoài ra không còn thiếu anh S số tiền nào khác.

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị P:** Đã được Tòa án sơ thẩm triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không cung cấp văn bản ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S.

Buộc bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn S (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng H1) số tiền mua bán vật tư xây dựng còn thiếu gốc 303.900.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn S (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng H1) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B phải liên đới trả tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn S (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng H1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn S 9.473.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001910 ngày 25/01/2024 và biên lai số 0005021 ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.195.000đ (Mười lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/6/2024 bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B không đồng ý bản án sơ thẩm đã kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm số 19/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Phan Thị Ngọc B đồng thời chị B đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P trình bày: Chị B và bà P yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị B và bà P hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, đồng thời xem xét đơn đề nghị về việc miễn tạm ứng án phí, án phí của bà Nguyễn Thị P theo quy định của pháp luật. Các căn cứ kháng cáo như sau:

+ Cá nhân chị B và bà P không có nợ anh Nguyễn Văn S (tên thường gọi là Hữu L, chủ Hộ kinh doanh cửa hàng H1) mà số tiền 303.900.000 đồng là khoản nợ của Công ty N đối với anh S.

+ Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự như nguyên đơn không có tư cách khởi kiện, còn bị đơn bà P và chị B không mua hàng và mắc nợ anh S.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/6/2024 cả hai bị đơn bà P, chị B đều vắng mặt nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn ghi lời khai của chị B là “thống nhất với lời trình bày của anh S”; Tòa án sơ thẩm đã không xem xét đến bản chất, tính hợp pháp, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án để xét xử, buộc các bị đơn phải liên đới trả số tiền 303.900.000 đồng cho ông S (Tên thường gọi là Hữu L - Chủ hộ kinh doanh H) là không đúng quy định của

pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S (Hộ kinh doanh cửa hàng H1) trình bày: Không thống nhất yêu cầu kháng cáo của bà P và chị B. Anh S khẳng định cá nhân bà P cùng với chị B thực hiện giao dịch mua xi măng của anh S nhiều lần, sau khi đối chiếu công nợ lại thì bà P và chị B còn nợ anh S số tiền 303.900.000 đồng, việc này đã được chị B thừa nhận theo Biên bản hòa giải ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự và ký nhận nợ của bà P trong Sổ theo dõi và đối chiếu công nợ (bà P ký nhận nợ đối với số tiền 315.850.000 đồng, sau đó bà P mua thêm xi măng nên số tiền nợ tổng cộng là 323.900.000 đồng và chị B đã trả cho anh S số tiền 20.000.000 đồng, nên còn thiếu lại số tiền gốc là 303.900.000 đồng) chứ anh S không có giao dịch với Công ty N hay Công ty L1 như trình bày của chị B. Do việc mua bán giữa cá nhân với nhau nên không lập thành văn bản mà chỉ giao dịch bằng miệng (lời nói), hình thức thực hiện là trực tiếp hoặc điện thoại liên lạc. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà P và chị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 483/PB-VKS-DS ngày 27/8/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền của Tòa án. Việc bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B nộp đơn kháng cáo vào ngày 17/6/2024

là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn S (Hộ kinh doanh cửa hàng H1) thỏa thuận bán vật tư xây dựng cho bà Nguyễn Thị P. Đến ngày 24/10/2022, hai bên quyết toán công nợ lại thì bà P còn thiếu anh S với số tiền 323.900.000 đồng. Sau đó, bà P và chị Phan Thị Ngọc B đã trả cho anh S số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 303.900.000 đồng. Nguyên đơn anh S yêu cầu bà P và chị B phải liên đới trả số tiền mua xi măng còn thiếu gốc là 303.900.000 đồng, rút yêu cầu về tiền lãi. Bị đơn là chị Phan Thị Ngọc B cho rằng bà P và chị B có mua xi măng của anh S và còn thiếu anh S số tiền gốc là 303.900.000 đồng. Do làm ăn bị thất bại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên chưa trả số tiền nêu trên cho anh S. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn S (Hộ kinh doanh cửa hàng H1) buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua vật tư xây dựng còn thiếu gốc 303.900.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ: Căn cứ vào sổ mua hàng do nguyên đơn cung cấp, thì có chữ ký xác nhận nợ của bà Nguyễn Thị P. Đồng thời, tại phiên hòa giải ngày 25/3/2024 (Bút lục số 60-61) chị B đã thừa nhận và thống nhất chị B và bà P còn nợ tiền mua xi măng của anh S với số tiền gốc là 303.900.000 đồng, nhưng do làm ăn không thuận lợi nên chưa có tiền thanh toán. Nên có đủ cơ sở chứng minh bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên.

Xét trình bày của chị B tại phiên tòa phúc thẩm như nêu trên là không đủ cơ sở chứng minh. Vì theo các đương sự trình bày Công ty L1 hay Công ty L1 đều do bà P và chị B đứng ra kinh doanh vật liệu xây dựng, còn Công ty H2 theo anh S trình bày đã chấm dứt hoạt động, việc giao dịch với bà P và chị B là do anh S đại diện cho H kinh doanh cửa hàng H1 thực hiện với cá nhân bà P và chị B, mà không có chứng cứ chứng minh giao dịch với Công ty N. Việc chị B cho rằng Cửa hàng H1 giao dịch với Công ty N là không có cơ sở do bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh như Hợp đồng mua bán hay văn bản thỏa thuận giao dịch mua bán giữa các bên... Mặt khác, theo trình bày của nguyên đơn đó là giao dịch cá nhân giữa ông S và bà P, chị B thông qua phương thức bà P điện thoại đặt hàng thì phía anh S giao hàng và xuất hóa đơn, đồng thời ghi sổ theo dõi công nợ, mặc dù Sổ mua hàng ghi nhà phân phối xi măng H (H) với khách hàng là Công ty L1 hoặc L và Sổ theo dõi và đối chiếu công nợ ghi Công ty TNHH H2 với khách hàng là Minh Long P1 hoặc M hay L nhưng thực chất là giao dịch mua bán vật liệu xây dựng (xi măng) giữa anh S và bà P1, chị B. Xét trình bày của nguyên đơn là có căn cứ do phù hợp với thừa nhận của chị B theo Biên bản hòa giải ngày 25/3/2024 và ký nhận nợ của bà P1 (đối với số tiền 315.850.000 đồng) trong Sổ theo dõi và đối chiếu công nợ với tư cách cá nhân

“Cô 5” là bà P1. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện cá nhân bà P1, chị B là phù hợp. Đối với nội dung kháng cáo cho rằng cá nhân anh S không có quyền khởi kiện, xét thấy trong vụ án này anh S khởi kiện với tư cách là đại diện chủ Hộ kinh doanh là phù hợp pháp luật, do đó kháng cáo của bà P1, chị B là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị Ngọc B đồng thời đại diện cho bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của chị B là không có đủ căn cứ, đồng thời bà P và chị B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị P đã nộp đơn đề nghị về việc xin miễn tạm ứng án phí, án phí ngày 18/6/2024, Hội đồng xét xử xét thấy bà P sinh năm 1961 thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn đề nghị xin miễn án phí, nên bà P được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí là phù hợp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, nên bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B về hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án;

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự về án phí.

Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn S (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng H1) số tiền mua bán vật tư xây dựng còn thiếu gốc 303.900.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn S (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng H1) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P và chị Phan Thị Ngọc B phải liên đới trả tiền lãi.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn S (Chủ hộ kinh doanh cửa hàng H1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn S 9.473.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001910 ngày 25/01/2024 và biên lai số 0005021 ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phan Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.597.500đ (Bảy triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị Phan Thị Ngọc B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005203, ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS TP. Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi